

### **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 469/QĐ-ĐHTĐ ngày 20 tháng 08 năm 2021 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)*

Tên chương trình : **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**  
Trình độ đào tạo : **Đại học**  
Ngành đào tạo : **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**  
Mã số : **7810103**  
Loại hình đào tạo : **Chính quy tập trung**

#### **1. Mục tiêu đào tạo**

##### **1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành được xây dựng nhằm đào tạo cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp của ngành, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc tốt trong các lĩnh vực dịch vụ du lịch, lữ hành, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho ngành du lịch của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

##### **1.1.1. Mục tiêu cụ thể**

###### **Về kiến thức:**

###### **a. Kiến thức giáo dục đại cương:**

**G1.** Những kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội, văn hoá.

**G2.** Vận dụng tốt ngoại ngữ và các phần mềm tin học trong lĩnh vực kinh tế; có khả năng đọc hiểu tài liệu chuyên ngành, giao tiếp với du khách, đối tác, đồng nghiệp, sử dụng tiếng Anh đáp ứng vị trí công việc trong môi trường hội nhập quốc tế.

###### **b. Kiến thức về cơ sở ngành:**

**G3.** Có kiến thức cơ bản về tổng quan du lịch, tâm lý khách du lịch, địa lý du lịch, lịch sử, văn hóa, ẩm thực, quản lý nhà nước về du lịch, phát triển du lịch bền vững...

###### **c. Kiến thức về chuyên ngành:**

**G4.** Có kiến thức cơ bản về kinh tế và quản trị, đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn như quản trị nhân sự trong du lịch, marketing du lịch, quản trị kinh doanh lữ hành, thiết kế và điều hành tour, quản trị kinh doanh nhà hàng, khách sạn, quản trị điểm đến du lịch,....

**G5.** Kiến thức về các dịch vụ liên quan (lưu trú, ăn uống, vận chuyển...), các dịch vụ bổ sung, cách bố trí các điểm tham quan...

**G6.** Có kiến thức về qui trình nghiệp vụ lữ hành (hệ thống sản phẩm lữ hành, xây dựng và tổ chức các chương trình du lịch, tổ chức mạng lưới tiêu thụ sản phẩm, tổ chức thực hiện các chương trình du lịch...); nghiệp vụ hướng dẫn du lịch (tổ chức thực hiện các chương trình du lịch, các phương pháp hướng dẫn tham quan tại điểm du lịch, phục vụ theo nhu cầu khách hàng...) và mối quan hệ của bộ phận điều hành và các bộ phận khác trong công ty.

### *1.1.2. Về kỹ năng*

d. Kỹ năng cứng

**G7.** Có khả năng thực hiện, quản lí, điều hành và giám sát các nghiệp vụ cơ bản trong các tổ chức, đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành.

**G8.** Tham gia điều chỉnh và thực hiện các chiến lược, dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh và phát triển du lịch. Có khả năng thực hiện các nghiên cứu độc lập có tính thực tiễn trong du lịch, tham gia nghiên cứu khoa học, giảng dạy về du lịch.

**G9.** Kỹ năng dẫn dắt, tạo động lực cho bản thân và đội nhóm, tự khởi nghiệp và tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. Có khả năng tham gia các nhóm khởi nghiệp dựa trên kiến thức được học về khởi nghiệp trong chương trình đào tạo và kiến thức về ngành du lịch.

e. Kỹ năng mềm

**G10.** Áp dụng hiệu quả các kỹ năng mềm cơ bản về giao tiếp, nói trước công chúng, thuyết trình, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, kỹ năng phân tích, tổng hợp, kỹ năng phản biện,...

**G11.** Có các kỹ năng phục vụ trong lĩnh vực dịch vụ du lịch: xử lý tình huống, đàm phán, tổ chức họp, hội nhập, thích ứng với môi trường, kỹ năng truyền đạt, thuyết phục và giải pháp khởi nghiệp,....

### *1.1.3. Về Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm*

f. Ý thức trách nhiệm

**G12.** Có ý thức trách nhiệm và có hoài bão về nghề nghiệp được đào tạo

**G13.** Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

g. Đạo đức nghề nghiệp

**G14.** Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp và thái độ phục vụ tốt

**G15.** Có phẩm chất chính trị, ý thức phát triển nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng, có sức khoẻ đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

## 2. Chuẩn đầu ra:

### 2.1. Kiến thức

Chuẩn đầu ra	Giải thích
LO1	Kiến thức biết về cơ bản về nền tảng toán học, lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức biết về pháp luật Việt Nam, kiến thức biết về an ninh quốc phòng; vận dụng kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất.
LO2	Có thể vận dụng các kiến thức khoa học xã hội và khoa học tự nhiên vào công việc trong tương lai như tổng quan du lịch, phát triển du lịch bền vững, địa lý du lịch, tâm lý du khách, văn hóa ẩm thực, chăm sóc khách hàng và giao tiếp với khách du lịch.
LO3	Vận dụng tốt kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin phục vụ cho công việc; Sinh viên sử dụng được các phần mềm tin học MS Window, MS Word, MS Excell, Powerpoint và khai thác các dịch vụ nền tảng của mạng Internet trong quá trình học tập và làm việc, kiến thức về Thương mại điện tử đáp ứng các vị trí công việc.
LO4	Vận dụng các kiến thức chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành và các lĩnh vực liên quan như: tổng quan về các mô hình kinh tế, quy tắc phát triển và các yếu tố ảnh hưởng đến nền kinh tế; Kiến thức về các chức năng của quản trị trong doanh nghiệp, nguyên tắc và mô hình quản trị.
LO5	Phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh tại các bộ phận trong doanh nghiệp/tổ chức; phân tích, đánh giá, xây dựng và giám sát các kế hoạch, chiến lược kinh doanh trong doanh nghiệp/tổ chức.

### 2.2. Kỹ năng

#### 2.2.1. Kỹ năng cứng

Chuẩn đầu ra	Giải thích
LO6	Kiến thức, phân tích và ứng dụng được các phương pháp quản lý nhân sự, doanh thu và quy trình tổ chức - thiết kế điều hành tour; dịch vụ phục vụ khách du lịch, giải quyết phàn nàn của khách hàng trong ngành lữ hành; kiến thức và lĩnh hội được các kiến thức nghiệp vụ hướng dẫn, điều hành, hoạt náo và MC; các nguyên tắc về đồng phục, tác phong, thái độ chuẩn mực trong lĩnh vực du lịch và lữ hành.

lực cá nhân như:

Chuẩn đầu ra	Giải thích
LO9	Áp dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, viết - đọc và trình bày, thuyết trình, đàm phán thương lượng, ...) vào công việc thực tế và trong chuyên ngành.
LO10	Vận dụng thành thạo kỹ năng tin học căn bản và tin học nâng cao, ngoại ngữ vào công việc đối với nhân sự làm việc trong ngành Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành.
LO11	Sử dụng tốt ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; Vận dụng tốt ngoại ngữ và các phần mềm tin học trong lĩnh vực kinh tế; có khả năng đọc tài liệu chuyên ngành, giao tiếp với du khách, đối tác, đồng nghiệp, sử dụng tiếng Anh đáp ứng vị trí công việc trong môi trường hội nhập quốc tế.

### 2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Sinh viên cần đạt năng lực tự chủ và trách nhiệm như được trình bày ở Bảng bên dưới để quá trình đào tạo đạt hiệu quả.

Chuẩn đầu ra	Giải thích
LO12	Hình thành phẩm chất đạo đức tốt, ý thức đầy và có tinh thần trách nhiệm công dân. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm đối với nhóm và chịu trách nhiệm với xã hội. Hình thành ý thức tự phát triển bản thân và khả năng học tập suốt đời để làm việc suốt đời.

LO7	Vận dụng khởi nghiệp, dẫn dắt, tạo động lực cho bản thân và đội nhóm, tự khởi nghiệp và tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.
LO8	Thực hiện được việc hoạch định, tổ chức, thực thi, kiểm tra, kiểm soát, xử lý, phân tích, đánh giá thông tin để giải quyết vấn đề liên quan đến các vấn đề liên quan đến hoạt động trong doanh nghiệp/tổ chức.

### 2.2.2. Kỹ năng mềm

LO13	Hình thành khả năng ứng biến tốt trong môi trường thay đổi, mềm dẻo, ứng biến, linh hoạt với nhiều điều kiện, hoàn cảnh đa dạng và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân;
LO14	Tổ chức điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và hoạch định mục tiêu và tạo động lực cho bản thân; có sáng kiến trong quá trình làm việc; có khả năng định hướng và thích nghi với môi trường làm việc và tư cập nhật kiến thức, kỹ năng mới.
LO15	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

#### 2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp:

- Các cơ sở đào tạo, nghiên cứu thuộc lĩnh vực du lịch như: Các trung tâm đào tạo nghiệp vụ du lịch, các trường trung cấp, cao đẳng, đại học, các viện nghiên cứu,...

- Các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực du lịch: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh/thành; Trung tâm Xúc tiến Du lịch,....

- Các tổ chức, đơn vị trực tiếp kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành,...

- Các tổ chức, đơn vị doanh nghiệp kinh tế khác có liên quan,...

#### 2.5. Trình độ tin học, ngoại ngữ:

Có khả năng sử dụng tin học (chứng chỉ ứng dụng CNTT nâng cao) và ngoại ngữ (Tiếng Anh, TOEIC: 500).

#### 2.6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có nền tảng tốt để tiếp tục học lên bậc học cao hơn như Thạc sĩ, Tiến sĩ của Trường Đại học Tây Đô, các trường đại học trong nước và ngoài nước hoặc các chương trình liên kết được cấp phép của Bộ GD&ĐT của các Trường Đại học trong nước với một số trường ở nước ngoài để lấy bằng Thạc sĩ của các trường này;

- Có năng lực làm việc tại các doanh nghiệp có quy mô lớn thuộc ngành nghề

- Có năng lực thăng tiến lên cấp quản trị cấp trung (trong vòng 3 -5 năm tích lũy kinh nghiệm làm việc);

- Có khả năng tự học để nâng cao trình độ.

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ

(không kể các kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh)

#### 4. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.

- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

### **5.1. Quy trình đào tạo**

- Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10 tháng 05 năm 2021).

- Thực hiện theo học chế tín chỉ kết hợp học tập thực tế.

- Quá trình đào tạo được tổ chức theo khóa, năm học và học kỳ. Khóa học được thực hiện 3,5 năm. Một năm học có 03 học kỳ chính, mỗi học kỳ kéo dài 04 tháng (HK1: Tháng 9 → Tháng 12; HK2: Tháng 01 → Tháng 04; HK3: Tháng 5 → Tháng 8), trong đó mỗi học kỳ gồm 12 tuần học và dự trữ, 02 tuần thi. Khoảng nghỉ giữa mỗi kỳ là 02→03 tuần (chưa bao gồm nghỉ Tết). Số tín chỉ trung bình mỗi học kỳ từ 12 →15 tín chỉ.

### **5.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10 tháng 05 năm 2021) và Quyết định số 641/QĐ-ĐHTĐ ngày 1/9/2017 Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên, học sinh trường Đại học Tây Đô.

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập, không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định.

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên.

d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất.

e) Đạt kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định của Nhà trường.

## **6. Cách thức đánh giá**

Chương trình sử dụng thang điểm 10, quy đổi tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy định của Trường. Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
9,0 – 10,0	A	4,0
8,0 – 8,9	B+	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,5 – 6,9	C+	2,5
5,5 – 6,4	C	2,0
5,0 – 5,4	D+	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0
nhỏ hơn 4,0	F	0,0

**7. Nội dung chương trình đào tạo:**

**130 tín chỉ**

+	Kiến thức giáo dục đại cương ▪ Bắt buộc ▪ Tự chọn	<b>26</b>
		26
		0
+	Kiến thức cơ sở ngành ▪ Bắt buộc ▪ Tự chọn	<b>20</b>
		15
		5
+	Kiến thức chuyên ngành ▪ Bắt buộc ▪ Tự chọn	<b>72</b>
		56
		16
+	Thực tập, thực hiện khóa luận (hoặc tiểu luận và học thay thế)	<b>12</b>

**7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 26 tín chỉ**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	0301001769	Triết học Mác - Lênin	3	
2	0301001825	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
3	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
5	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
6	0301000667	Pháp luật đại cương	2	
7	0301000946	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	4	
8	0301000947	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	4	
9	0301001673	Tin học căn bản	3	
10	0301000060	Đại cương văn hóa Việt Nam	2	



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
11	0301000650	Giáo dục quốc phòng - An ninh**	8	
12	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1	
13	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**		
14	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**		
15	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1	
16	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**		
17	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**		
18	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1	
19	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**		
20	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**		
<b>Tổng</b>			<b>26</b>	

**7.2. Kiến thức cơ sở ngành: 20 tín chỉ**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
21	0301001677	Tổng quan du lịch	3	
22	0301001472	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2	
23	0301001609	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
24	0301002050	Địa lý du lịch & Thắng cảnh Việt Nam		
25	0301001790	Quản lý Nhà nước về du lịch	2	
26	0301000446	Quản trị học	3	
<b>Học phần tự chọn</b>			<b>5</b>	
27	0301000236	Kinh tế vi mô	3	
28	0301000898	Kinh tế vĩ mô	2	
29	0301002051	Marketing căn bản	3	
30	0301001791	Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork Skills)	2	
31	0301001792	Kỹ năng học tập bậc đại học	2	
<b>Tổng</b>			<b>20</b>	

**7.3. Kiến thức ngành: 84 tín chỉ**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
32	0301001416	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	
33	0301000339	Nghiệp vụ lễ tân và tiền sảnh	2	
34	0301000465	Quy hoạch du lịch Việt Nam	2	
35	0301000600	Tuyển điểm du lịch	2	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
36	0301001413	Thiết kế và điều hành tour	3	
37	0301001917	Ứng dụng CNTT trong du lịch	2	
38	0301000718	Y tế du lịch	2	
39	0301000486	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	2	
40	0301002086	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	
41	0301001914	Kỹ năng hoạt náo	2	
42	0301000310	Marketing du lịch	2	
43	0301002053	Quản trị kinh doanh lữ hành	2	
44	0301000452	Quản trị kinh doanh nhà hàng	2	
45	0301001920	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	2	
46	0301002054	Lập & Phân tích dự án Du lịch	3	
47	0301000454	Quản trị Marketing	3	
48	0301001581	Tiếng Anh chuyên ngành QTDV- DLLH	4	
49	0301001915	Quản trị điểm đến du lịch	2	
50	0301001798	Quản trị du lịch MICE	2	
51	0301000879	Chuyên đề kinh doanh DVDL&LH	4	
52	0301002407	Thực tập tour	5	
53	0301001799	Quản trị khu du lịch, khu nghỉ dưỡng	2	
54	0301002055	Thực tập tốt nghiệp - QTDVDLLH	4	
55	0301001615	Khóa luận tốt nghiệp - QTDVDLLH	8	
56	0301001616	Tiểu luận tốt nghiệp - QTDVDLLH	4	
57	0301001797	Quản trị chất lượng sản phẩm và dịch vụ	2	
58	0301002056	Khởi nghiệp Du lịch	2	
59	0301002448	Văn hóa các nước Đông Nam Á	2	
60	0301000081	Đặc điểm văn hóa ĐBSCL	2	
<b>Phần tự chọn</b>			<b>16</b>	
61	0301001800	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2	
62	0301001916	Truyền thông và tiếp thị số trong du lịch	2	
63	0301000490	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2	
64	0301001257	Quản trị nhân sự	2	
65	0301000333	Nghệ thuật quảng cáo	2	
66	0301000534	Thương mại điện tử	2	
67	0301001806	Phát triển du lịch bền vững	2	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
<b>Tổng</b>			<b>84</b>	
<b>TỔNG CỘNG: 130 TÍN CHỈ (Bắt buộc: 101 TC; Tự chọn: 29 TC) và 11 TC học phần điều kiện.</b>				

**8. Kế hoạch giảng dạy: (dự kiến)**

**Học kỳ 1:**

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	0301001035	Giáo dục thể chất 1-Bóng chuyền**	1	1			30
2	0301001036	Giáo dục thể chất 1-Bóng đá**	1				
3	0301001037	Giáo dục thể chất 1-Cầu lông**	1				
4	0301000667	Pháp luật đại cương	2	2		30	
5	0301001673	Tin học căn bản	3	3		15	60
6	0301001677	Tổng quan du lịch	3	3		45	
7	0301000446	Quản trị học	3	3		30	30
8	0301000060	Đại cương văn hóa Việt Nam	2	2		30	
9	0301001790	Quản lý nhà nước về du lịch	2	2		30	
<b>Tổng:</b>			<b>15+1</b>	<b>15+1</b>			

**Học kỳ 2:**

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	0301000660	Giáo dục thể chất 2-Bóng chuyền**	1	1			30
2	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**	1				
3	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**	1				
4	0301001769	Triết học Mác - Lênin	3	3		45	
5	0301000946	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	4	4		60	
6	0301001472	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2	2		30	
7	0301001609	Phương pháp nghiên cứu khoa học QTDVDLLH	2	2		30	
8	0301000236	Kinh tế vi mô	3		3	30	30
9	0301002051	Marketing căn bản	3			30	30
<b>Tổng:</b>			<b>14+1</b>	<b>11+1</b>	<b>3</b>	<b>195</b>	<b>60</b>

**Học kỳ 3:**

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	0301001825	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
2	0301000947	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	4	4		60	
3	0301000650	Giáo dục quốc phòng - An ninh**	8	8			240
Tổng:			6+8	6+8		90	240

#### Học kỳ 4

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	0301001030	Giáo dục thể chất 3-Bóng chuyền**	1	1			30
2	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**	1				
3	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**	1				
4	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30	
5	0301002050	Địa lý du lịch & thắng cảnh Việt Nam	3	3		45	
6	0301001917	Ứng dụng CNTT trong du lịch	2	2		30	
7	0301001920	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	2	2		30	
8	0301000486	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	2	2		30	
9	0301000428	Quan hệ công chúng	2		4	15	30
10	0301000248	Kỹ năng thuyết trình	2			30	
11	0301001791	Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork Skills)	2			30	
12	0301001792	Kỹ năng học tập bậc đại học	2			30	
13	0301000898	Kinh tế vĩ mô	2			30	
Tổng:			15+1	11+1	4	225	60

#### Học kỳ 5:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30	
2	0301002086	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	3		45	
3	0301002053	Quản trị kinh doanh lữ hành	2	2		30	
4	0301001581	Tiếng Anh chuyên ngành QTDV-DLLH	4	4		60	
5	0301000452	Quản trị kinh doanh nhà hàng	2	2			
6	0301001806	Phát triển du lịch bền vững	2		2	30	
7	0301001800	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2			30	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
<b>Tổng:</b>			<b>15</b>	<b>13</b>	<b>2</b>	<b>225</b>	

**Học kỳ 6:**

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30	
2	0301000339	Nghiệp vụ lễ tân và tiền sảnh	2	2		30	
3	0301000600	Tuyến điểm du lịch	2	2		30	
4	0301000245	Kỹ năng hoạt náo	2	2		30	
5	0301000454	Quản trị Marketing	3	3		45	
6	0301001257	Quản trị nhân sự	2		4	30	
7	0301000442	Quản trị cung ứng dịch vụ du lịch	2			30	
8	0301001916	Truyền thông và tiếp thị số trong du lịch	2			30	
9	0301002581	Quản trị bán hàng	2			30	
<b>Tổng:</b>			<b>15</b>	<b>11</b>	<b>4</b>	<b>210</b>	<b>30</b>

**Học kỳ 7:**

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	0301001413	Thiết kế và điều hành tour	3	3		45	
2	0301001798	Quản trị du lịch MICE	2	2		30	
3	0301000879	Chuyên đề kinh doanh DVDLLH	4	4			120
4	0301000490	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2		4	15	30
5	0301000333	Nghệ thuật quảng cáo	2			15	30
6	0301000534	Thương mại điện tử	2			15	30
7	0301000158	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	2			15	30
<b>Tổng:</b>			<b>13</b>	<b>9</b>	<b>4</b>	<b>135</b>	<b>180</b>

**Học kỳ 8:**

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	0301001416	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	3		45	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
2	0301001799	Quản trị khu du lịch, khu nghỉ dưỡng	2	2		30	
3	0301002054	Lập & Phân tích dự án Du lịch	3	3		45	
4	0301000718	Y tế du lịch	2	2		30	
5	0301000310	Marketing du lịch	2	2		15	30
6	0301001932	Du lịch cộng đồng	2		2	30	
7	0301001911	Du lịch sinh thái Việt Nam	2			30	
<b>Tổng:</b>			<b>14</b>	<b>12</b>	<b>2</b>	<b>165</b>	<b>30</b>

### Học kỳ 9

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	0301000465	Quy hoạch du lịch Việt Nam	2	2		30	
2	0301002407	Thực tập tour	5	5			150
3	0301001915	Quản trị điểm đến trong du lịch	2	2		30	
4	0301001925	Thủ tục xuất nhập cảnh	2		2	30	
5	0301001928	Phát triển sản phẩm du lịch	2			30	
<b>Tổng:</b>			<b>11</b>	<b>9</b>	<b>2</b>	<b>120</b>	<b>150</b>

### Học kỳ 10:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	0301002055	Thực tập tốt nghiệp - QTDVDLLH	4	4			120
2	0301001615	Khóa luận tốt nghiệp - QTDVDLLH	8		8		240
3	0301001616	Tiểu luận tốt nghiệp - QTDVDLLH	4		4		120
4	0301001797	Quản trị chất lượng sản phẩm và dịch vụ	2		4	30	
5	0301002056	Khởi nghiệp du lịch	2			30	
6	0301002448	Văn hóa các nước Đông Nam Á	2			30	
7	0301000081	Đặc điểm văn hóa ĐBSCL	2			30	
<b>Tổng</b>			<b>12</b>	<b>4</b>	<b>8</b>		

**Ghi chú:** : \*\* Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy.

## 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

### 9.1. Cách quy đổi giờ

Giờ quy đổi được tính như sau:

1 tín chỉ (TC) = 15 tiết giảng lý thuyết (Các học phần lý thuyết)  
= 30 đối với học phần thực tập, thực hành  
= 60 thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập

Số tiết của các học phần là bội số của 15

Một tiết giảng là 50 phút.

## 9.2. Chương trình ngành Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành được thiết kế theo đơn ngành

Chương trình này được biên soạn trên cơ sở tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ngoài các học phần bắt buộc, Trường đã thiết kế các học phần còn lại cho phù hợp với chuyên ngành đào tạo và chuẩn đầu ra.

  
*Trần Công Luận*

